

Số: 1038/QĐ-TDTTBN

Bắc Ninh, ngày 29 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

*Về việc ban hành mục tiêu, chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo
trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh*

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

Căn cứ quyết định số 3655/QĐ-BVHTTDL ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh;

Căn cứ Quyết định số 1031/QĐ-TDTTBN ngày 17/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học TDTT Bắc Ninh về việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 về việc ban hành Khung trình độ Quốc gia Việt Nam;

Xét theo đề nghị của Trưởng phòng khảo thí & ĐBCLGD và các Trưởng Khoa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này mục tiêu và 04 chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo hệ Đại học chính quy của Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh gồm:

- 1) Mục tiêu, chuẩn đầu ra ngành Giáo dục thể chất.
- 2) Mục tiêu, chuẩn đầu ra ngành Huấn luyện thể thao.
- 3) Mục tiêu, chuẩn đầu ra ngành Quản lý Thể dục thể thao.
- 4) Mục tiêu, chuẩn đầu ra ngành Y sinh học Thể dục thể thao.

(Có văn bản kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các Quyết định trước đây trái với Quyết định này đều bị bãi bỏ.

Điều 3. Các đơn vị, các Phòng, Khoa, Ban, Trung tâm trực thuộc Trường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. / *[Chữ ký]*

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (BC);
- Như điều 3 (T/h);
- Lưu VT, KTĐBCLGD (K8).



PGS.TS. Nguyễn Văn Phúc

MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 109/QĐ-TD-TBN ngày 29 tháng 11 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học TDTT Bắc Ninh)*

1. Thông tin chung

Chương trình	Giáo dục thể chất
Trình độ đào tạo	Đại học
Ngành đào tạo	Giáo dục thể chất
Mã ngành	7140206
Hình thức đào tạo	Chính quy
Ngôn ngữ đào tạo	Tiếng việt
Thời gian đào tạo	4 năm
Số tín chỉ	125
Quyết định mở ngành, cấp ban hành	
Kiểm định chương trình	
Thời điểm điều chỉnh	
Áp dụng từ năm tuyển sinh	2024
Đơn vị cấp bằng	Trường Đại học TDTT Bắc Ninh
Đơn vị quản lý chuyên môn	Khoa Giáo dục thể chất

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo sinh viên trình độ Đại học ngành Giáo dục Thể chất trở thành người giáo viên, giảng viên Giáo dục Thể chất có năng lực giảng dạy, quản lý và nghiên cứu khoa học trong các trường học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Làm giáo viên, huấn luyện viên, hướng dẫn viên và trọng tài TDTT trong các trung tâm, các cơ sở TDTT....; làm cán bộ quản lý về lĩnh vực Giáo dục thể chất và Thể dục thể thao các cấp...; Có phẩm chất đạo đức tốt, đáp ứng chuẩn nghề nghiệp giáo viên, giảng viên phục vụ tốt nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Có ý thức, trách nhiệm trong công tác bảo vệ quốc phòng, an ninh, hội nhập quốc tế; có khả năng thích ứng với các môi trường giáo dục; có năng lực tự học và tham gia các chương trình đào tạo sau đại học trong và ngoài nước.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Mã mục tiêu	Mô tả
MT1	Có kiến thức cơ sở về lý luận chính trị; Kiến thức đại cương cơ bản; kiến thức cơ sở ngành giáo dục thể chất; kiến thức về khoa học giáo dục cốt lõi; kiến thức chuyên ngành nâng cao.
MT2	Có kỹ năng giảng dạy, huấn luyện, thực hành các môn thể thao; kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và giao tiếp bằng ngoại ngữ.
MT3	Có kỹ năng thiết kế, triển khai, vận hành, cải tiến, tổ chức các hoạt động dạy học, giáo dục, nghiên cứu khoa học, hoạt động TDDT trong nhà trường các cấp. Có kỹ năng ứng xử, xử lý tình huống, tư vấn và hỗ trợ sinh viên trong hoạt động giáo dục.
MT4	Có khả năng hợp tác, làm việc nhóm; khả năng hướng dẫn, giám sát chương trình GDTC trong nhà trường; Có năng lực tự học và rèn luyện suốt đời.
MT5	Tuân thủ hiến pháp và pháp luật; thực hiện tốt nội quy, quy chế làm việc của ngành giáo dục, tuân thủ các quy định về đạo đức nhà giáo.

3. Chuẩn đầu ra

Hoàn thành chương trình đào tạo, người học có kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Chuẩn đầu ra của CTĐT	Chỉ báo của CĐR	Mức theo thang Bloom
PLO1. Vận dụng được các kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế, chính trị, xã hội, và pháp luật vào việc phân tích, giải thích các vấn đề trong lĩnh vực Giáo dục thể chất, TDDT.	1.1. Kết hợp được các nguyên tắc và lý thuyết từ các lĩnh vực khoa học tự nhiên. Kinh tế học TDDT, chính sách quản lý nhà nước, tâm lý học, xã hội học và các quy định, luật lệ về thể thao và giáo dục vào quá trình phân tích.	3
	1.2. Sử dụng được các kiến thức này để làm rõ nguyên nhân, bản chất và mối quan hệ giữa các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động giáo dục thể chất và thể dục thể thao.	4
	1.3. Đưa ra được các nhận định, lý giải có cơ sở khoa học và thực tiễn, giúp hiểu sâu các hiện tượng, xu hướng, những thách thức và cơ hội trong lĩnh vực giáo dục thể chất và thể dục thể thao.	4

	1.4. Ứng dụng được kiến thức để đề xuất giải pháp, chính sách cải thiện hiệu quả công tác quản lý, tổ chức và phát triển hoạt động thể chất, thể dục thể thao trong bối cảnh của xã hội hiện đại.	4
PLO2. Vận dụng được kiến thức khoa học Giáo dục thể chất, TDTT để đánh giá giải quyết các vấn đề cụ thể trong hoạt động Giáo dục thể chất, TDTT trường học.	2.1. Sử dụng được các kiến thức về tâm lý học thể thao và các phương pháp giảng dạy hiện đại để thiết kế chương trình dạy học và hoạt động thể chất phù hợp với từng đối tượng.	2
	2.2. Tích hợp được các phương pháp giảng dạy sáng tạo dựa trên bằng chứng khoa học, nhằm tăng cường sự tham gia và phát triển thể chất của học sinh, sinh viên.	5
	2.3. Sử dụng được các phương pháp nghiên cứu khoa học để đánh giá, cải tiến và phát triển chương trình giáo dục thể chất theo hướng phù hợp với xu thế phát triển của xã hội và nhu cầu sức khỏe cộng đồng.	4
	2.4. Vận dụng được kiến thức để lập kế hoạch, tổ chức và quản lý các hoạt động thể chất tại trường học hoặc trong các chương trình cộng đồng, đảm bảo các hoạt động đó đạt được mục tiêu giáo dục và sức khỏe.	4
PLO3. Áp dụng được các kiến thức cơ sở ngành vào việc giải thích, đánh giá và thực hiện các vấn đề trong hoạt động Giáo dục thể chất, TDTT.	3.1. Áp dụng được các kiến thức cơ bản về y sinh học thể dục thể thao giúp xây dựng chương trình tập luyện hợp lý, cân đối giữa cường độ và thời gian hồi phục.	3
	3.2. Vận dụng được các nguyên tắc về tâm lý thể thao để tạo động lực, quản lý căng thẳng và phát triển tinh thần đồng đội trong môi trường thể thao.	4
	3.3. Áp dụng được các công nghệ hiện đại như (đo lường, phân tích dữ liệu thể thao, ứng dụng di động...) nhằm theo dõi quá trình tập luyện để có điều chỉnh kịp thời, từ đó nâng cao hiệu quả giảng dạy, huấn luyện.	5
PLO4. Vận dụng được kiến thức ngành vào công tác giảng dạy, huấn luyện, hướng dẫn, thực hành các	4.1. Sử dụng được kiến thức chuyên ngành để thiết kế các bài tập, chương trình giảng dạy, huấn luyện cân đối giữa cường độ, thời gian và hồi phục, đảm bảo an toàn và hiệu quả học tập, tập luyện.	3

Handwritten signature

môn thể thao trong hoạt động Giáo dục thể chất, TDTT.	4.2. Áp dụng được kiến thức chuyên ngành để phân tích đánh giá hiệu quả các phương pháp giảng dạy, từ đó có thể điều chỉnh cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy, huấn luyện.	4
	4.3. Vận dụng được kiến thức môn thể thao chuyên ngành vào công tác giảng dạy, huấn luyện, hướng dẫn và thực hành các môn thể thao. Áp dụng các kiến thức ngành để kiểm tra đánh giá, tổ chức thi đấu, trọng tài các môn thể thao cấp cơ sở.	5
PLO5. Phân tích và đánh giá được các hoạt động Giáo dục thể chất, TDTT và xu hướng phát triển. Dựa vào kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành để đề xuất giải pháp quản lý, phát triển hoạt động Giáo dục thể chất, TDTT.	5.1. Phân tích được cách thức vận động, đặc điểm tâm lý, sinh lý và dinh dưỡng tác động đến quá trình học tập và tập luyện của người tham gia.	2
	5.2. Áp dụng được các kỹ chiến thuật vào giảng dạy, huấn luyện. Sử dụng được các tiêu chí định lượng (chỉ số thể lực, kỹ năng vận động), và định tính (nhận xét, phản hồi từ người học, thái độ, tinh thần thể thao..) để đánh giá kết quả hoạt động	5
	5.3. Áp dụng được kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành để đề xuất các giải pháp quản lý, phát triển hoạt động Giáo dục thể chất, TDTT	5
PLO6. Có khả năng triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực chuyên môn.	6.1. Áp dụng được các phương pháp nghiên cứu định lượng, định tính hoặc hỗn hợp để thiết kế và khảo sát triển khai các nghiên cứu.	3
	6.2. Sử dụng được các công cụ phân tích số liệu, phần mềm thống kê và kỹ thuật mô hình hóa để đưa ra kết luận chính xác từ dữ liệu thu thập được	4
	6.3. Sử dụng được các công nghệ đo lường và phần mềm phân tích chuyên dụng để thu thập dữ liệu một cách chính xác và nhanh chóng. Từ đó hỗ trợ việc đánh giá kỹ thuật, hiệu quả tập luyện. Từ đó điều chỉnh chương trình giảng dạy và huấn luyện	5
PLO7. Xây dựng được kế hoạch cho các hoạt động Giáo dục thể chất, TDTT chuyên nghiệp và cộng đồng.	7.1. Phân tích được thực trạng, đặt ra được các mục tiêu cụ thể ngắn hạn và dài hạn, xây dựng được lịch trình (thời gian biểu) cho các hoạt động, phân bổ giai đoạn (chuẩn bị, thực hiện, đánh giá)	3

Handwritten signature

	7.2. Xác định và sắp xếp được nguồn lực cần thiết như (nhân sự, tài chính, trang thiết bị và địa điểm) để xây dựng kế hoạch.	4
	7.3. Xây dựng được bài tập, chương trình giảng dạy, huấn luyện và hoạt động giải trí phù hợp với từng đối tượng. Áp dụng được công nghệ và phần mềm quản lý, theo dõi hiệu quả tập luyện nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo và huấn luyện.	5
PLO8. Tổ chức được các hoạt động Giáo dục thể chất, TDTT phong trào và thi đấu thể thao cấp cơ sở.	8.1. Xác định được mục tiêu và đối tượng tham gia các hoạt động Giáo dục thể chất, TDTT phong trào và thi đấu thể thao cấp cơ sở.	3
	8.2. Xây dựng được kế hoạch tổ chức các hoạt động Giáo dục thể chất, TDTT phong trào và thi đấu thể thao cấp cơ sở (lên lịch trình, chuẩn bị nhân sự, dự trù tài chính và nguồn tài trợ)	4
	8.3. Chuẩn bị được cơ sở vật chất, trang thiết bị và triển khai, tổ chức, thực hiện được các hoạt động Giáo dục thể chất, TDTT phong trào và thi đấu thể thao cấp cơ sở	5
PLO9. Sử dụng thành thạo ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.	9.1. Đọc hiểu các văn bản cơ bản liên quan tới lĩnh vực chuyên môn (đọc hiểu bài báo; thông báo; tài liệu học tập)	2
	9.2. Viết được văn bản đơn giản như (bài viết ngắn; email hoặc ghi chú với cấu trúc đơn giản)	4
	9.3. Nghe hiểu thông tin cơ bản (hội thoại; thông báo; tin tức hoặc bài giảng ngắn khi sử dụng ngôn ngữ ở tốc độ vừa phải)	4
PLO10. Thực hiện thành thạo kỹ năng tin học cơ bản trong hoạt động chuyên môn.	10.1. Sử dụng thành thạo các ứng dụng văn phòng (xử lý văn bản, soạn thảo, chỉnh sửa và định dạng tài liệu trên các phần mềm Microsoft word, Googole docs; Tạo được bài thuyết trình như (Microsoft PowerPoint, Googole Slides)	3
	10.2. Quản lý được thông tin và giao tiếp: (Sử dụng email, lịch trực tuyến và các công cụ giao tiếp; Zoom, team..). Biết cách bảo mật dữ liệu cá nhân và của tổ chức như: sử dụng mật khẩu an toàn và nhận biết các rủi ro từ internet	3

	10.3. Ứng dụng được công nghệ vào quy trình làm việc (sử dụng các phần mềm quản lý công việc)	3
PLO11. Thể hiện kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, lãnh đạo nhóm một cách hiệu quả, chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhóm.	11.1. Làm việc độc lập hiệu quả như: Tự quản lý và lập kế hoạch (biết phân bổ thời gian, xác định mục tiêu cụ thể, mục tiêu ưu tiên trong công việc). Chủ động tìm kiếm thông tin, phân tích và đưa ra giải pháp khi gặp khó khăn. Cập nhật được các kiến thức mới và cải thiện kỹ năng cá nhân qua tự học và phản hồi từ công việc	4
	11.2 Làm việc nhóm hiệu quả: Giao tiếp rõ ràng (chia sẻ các thông tin, ý tưởng một cách minh bạch và lắng nghe quan điểm của các thành viên khác). Phối hợp nhịp nhàng (hợp tác hỗ trợ lẫn nhau, biết phân chia công việc dựa trên thế mạnh của từng người). Giải quyết được xung đột (xử lý mâu thuẫn một cách xây dựng, tìm kiếm giải pháp chung để đảm bảo tiến độ và chất lượng công việc nhóm)	4
	11.3. Lãnh đạo nhóm hiệu quả: Định hướng và truyền cảm hứng (xác định được mục tiêu chung, truyền đạt tầm nhìn và tạo động lực cho các thành viên). Quản lý và phân công được công việc (phân chia nhiệm vụ phù hợp với khả năng của từng thành viên và theo dõi tiến độ thực hiện). Lắng nghe, khuyến khích sáng tạo và xây dựng môi trường làm việc thân thiện, cởi mở.	5
	11.4. Chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhóm: Cam kết mục tiêu chung (Chịu trách nhiệm về phần việc của mình và nhận lỗi khi có sai sót, từ đó học hỏi để cải thiện). Tích cực phản hồi và đóng góp ý kiến (chủ động tham gia các cuộc họp đưa ra ý kiến cải thiện quy trình làm việc nhóm). Tinh thần trách nhiệm với nhóm (đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ đúng hạn, chất lượng và luôn đặt lợi ích chung của nhóm lên hàng đầu)	
PLO12. Nhận thức rõ đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp, thể hiện sự phát triển khả năng học tập suốt đời.	12.1. Có đạo đức trong công việc và cuộc sống: Trung thực và chính trực (làm việc trung thực, tuân thủ các quy tắc ứng xử và nguyên tắc đạo đức trong mọi tình huống). Tôn trọng và công bằng (đối xử công bằng	5

	với mọi người, biết lắng nghe và chia sẻ một cách cởi mở). Trách nhiệm với hành động của bản thân.	
	12.2. Có trách nhiệm với nghề nghiệp: Tuân thủ tiêu chuẩn nghề nghiệp (hiểu và áp dụng đúng các quy định, quy tắc nghề nghiệp trong công việc, đảm bảo chất lượng và hiệu quả công việc). Cam kết với chất lượng và hiệu suất (đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, cải tiến và tối ưu hóa quy trình làm việc). Chịu trách nhiệm trước kết quả (Khi có sai sót, thất bại, biết nhận lỗi, rút kinh nghiệm đưa ra biện pháp khắc phục để nâng cao hiệu quả công việc trong tương lai)	5
	12.3. Phát triển khả năng học tập suốt đời: Luôn cập nhật các kiến thức (chủ động tìm kiếm và học hỏi các kiến thức mới). Thích ứng với sự thay đổi, chia sẻ và trao đổi kiến thức, kinh nghiệm nhằm phát triển năng lực của cá nhân và của cả tập thể.	4

4. Định hướng nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp

Các vị trí việc làm mà cử nhân ngành GDTC đảm nhiệm:

- Sau khi tốt nghiệp sinh viên có khả năng trở thành người giáo viên, giảng viên Giáo dục thể chất có năng lực giảng dạy, quản lý và nghiên cứu khoa học trong các trường học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Làm giáo viên, huấn luyện viên, hướng dẫn viên và trọng tài TDTT trong các trung tâm, các cơ sở TDTT....; Làm cán bộ quản lý về lĩnh vực Giáo dục thể chất và Thể dục thể thao các cấp...

5. Định hướng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Tiếp tục học tập ở các bậc học cao hơn (Thạc sĩ, Tiến sĩ) thuộc đúng chuyên ngành hoặc học chuyển đổi một số học phần để học chuyên ngành khác thuộc khối ngành thể dục thể thao tại các trường.

- Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với yêu cầu của vị trí công tác và quy hoạch phát triển nhân sự ở đơn vị công tác.

6. Các chương trình đào tạo, tài liệu, chuẩn quốc tế đã tham khảo

6.1. Trong nước

Theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Khung trình độ Quốc gia Việt Nam

TT	Tên chương trình- Trường	Địa chỉ Website tham chiếu
1	Giáo dục thể chất – Trường Đại học Cần Thơ	https://www.ctu.edu.vn/ctdt/k40/01_CDR_5214_0206_GDTC.pdf
2	Giáo dục thể chất – Trường Đại học TDTT thành phố Hồ Chí Minh	https://ush.edu.vn/khoagdtc/
3	Giáo dục thể chất – Trường Đại học TDTT Đà Nẵng	https://dsu.edu.vn/gdtc/chuong-trinh-dao-tao
4	Giáo dục thể chất – Trường Đại học Sư phạm TDTT thành phố Hồ Chí Minh	https://huongnghiep.hocmai.vn/chuyen-nganh/giao-duc-the-chat/dai-hoc-su-pham-tphcm/
5	Giáo dục thể chất – Trường Đại học Sư phạm 1 Hà Nội	https://gdtc.hnue.edu.vn/
6	Giáo dục thể chất – Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội	https://hupes.edu.vn/upload/files/281.pdf

6.2 Nước ngoài

TT	Tên chương trình- Trường	Địa chỉ Web site tham chiếu
1		
2		
3		

MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH HUẤN LUYỆN THỂ THAO
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1009/QĐ-TĐTBN ngày 19 tháng 11 năm 2023 của
Hiệu trưởng Trường Đại học TDTT Bắc Ninh)

1. Thông tin chung

Chương trình	Chương trình đào tạo đại học
Trình độ đào tạo	Đại học
Ngành đào tạo	Huấn luyện thể thao
Mã ngành	7810302
Hình thức đào tạo	Chính quy
Ngôn ngữ đào tạo	Tiếng Việt
Thời gian đào tạo	4 năm
Số tín chỉ	124
Quyết định mở ngành, cấp ban hành	
Kiểm định chương trình	
Thời điểm điều chỉnh	
Áp dụng từ năm tuyển sinh	
Đơn vị cấp bằng	Trường Đại học TDTT Bắc Ninh
Đơn vị quản lý chuyên môn	Khoa Huấn luyện thể thao

2. Mục tiêu

2.1 Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trình độ cử nhân ngành Huấn luyện thể thao có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt, cung cấp cho người học nền tảng kiến thức, kỹ năng rộng và chắc chắn để người học sau khi tốt nghiệp có khả năng vận dụng các nguyên lý khoa học, kỹ thuật, công nghệ và hình thành kỹ năng thực hành nghề nghiệp để giải quyết những vấn đề thực tiễn trở thành huấn luyện viên thể thao chuyên nghiệp, đáp ứng nhu cầu phát triển thể thao cộng đồng, thể thao thành tích cao và thể thao giải trí trong xã hội.

2.2 Mục tiêu cụ thể:

Mã mục tiêu	Mô tả
MT1	Đào tạo cử nhân ngành HLTT có phẩm chất chính trị, đạo đức xã hội, sức khỏe đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong lĩnh vực thể dục thể thao; có trách nhiệm nghề nghiệp, ý thức phục vụ cộng đồng và tinh thần khởi nghiệp; bảo vệ tổ quốc và hội nhập quốc tế.
MT2	Hiểu biết vững chắc về khoa học thể thao, y sinh học, tâm lý học thể thao và phương pháp huấn luyện hiện đại. Nắm vững nguyên tắc xây dựng giáo án, lập kế hoạch huấn luyện phù hợp với từng đối tượng. Am hiểu về dinh dưỡng, phục hồi chức năng và y học thể thao nhằm hỗ trợ vận động viên. Nhận thức về quản lý thể thao, tổ chức sự kiện thể thao và xu hướng phát triển thể thao chuyên nghiệp.
MT3	Thực hành tốt các kỹ thuật và chiến thuật trong huấn luyện thể thao. Có năng lực trong công tác tuyển chọn vận động viên, tổ chức công tác huấn luyện, tổ chức thi đấu, trọng tài, quản lý chuyên môn các đội thể thao. Điều hành đội nhóm, quản lý vận động viên và xây dựng chiến lược phát triển thể thao. Kết nối, truyền động lực và làm việc hiệu quả với vận động viên, đồng nghiệp, phụ huynh. Đánh giá hiệu quả huấn luyện, nghiên cứu phát triển mô hình huấn luyện mới.
MT4	Tinh thần trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ quy tắc và chuẩn mực trong huấn luyện thể thao. Khả năng thích ứng linh hoạt với sự thay đổi của môi trường thể thao trong nước và quốc tế. Thái độ chuyên nghiệp, kiên trì, bền bỉ và khả năng làm việc dưới áp lực cao. Định hướng phát triển bền vững, gắn huấn luyện thể thao với lợi ích cộng đồng và sức khỏe xã hội.
MT5	Cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho các trung tâm huấn luyện thể thao, câu lạc bộ chuyên nghiệp, trường học, tổ chức thể thao cộng đồng. Góp phần nâng cao thành tích thể thao quốc gia và phát triển thể thao quần chúng. Hỗ trợ xây dựng phong trào thể thao học đường, thể thao cho mọi người, cải thiện sức khỏe cộng đồng. Đáp ứng xu hướng phát triển ngành công nghiệp thể thao, giải trí và du lịch thể thao trong nước và quốc tế.

3. Chuẩn đầu ra

Hoàn thành chương trình đào tạo, người học có kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Chuẩn đầu ra của CTĐT	Chỉ báo của CĐR	Mức theo thang Bloom
PLO1: Vận dụng được các kiến thức khoa học tự nhiên, xã hội, kinh tế, chính trị, pháp luật và các kiến thức về khoa học thể thao, y sinh học và tâm lý học thể thao vào việc phân tích, giải thích các vấn đề trong lĩnh vực huấn luyện thể thao.	1.1. Vận dụng được các kiến thức khoa học tự nhiên, xã hội, kinh tế, chính trị, pháp luật vào công tác giảng dạy - huấn luyện.	3
	1.2. Áp dụng được các kiến thức về khoa học thể thao, y sinh học và tâm lý học thể thao vào việc phân tích, giải thích các vấn đề trong lĩnh vực huấn luyện thể thao.	3
PLO2: Nắm vững phương pháp giảng dạy và huấn luyện thể thao cơ bản cho các lứa tuổi và trình độ khác nhau. Xây dựng kế hoạch, giáo án tập luyện theo mục tiêu đề ra và tổ chức thi đấu, trọng tài các môn thể thao.	2.1. Sắp xếp được các vấn đề cần giải quyết về phương pháp giảng dạy và huấn luyện thể thao cơ bản cho các lứa tuổi và trình độ khác nhau.	2
	2.2. Vận hành được kế hoạch huấn luyện, giáo án tập luyện theo mục tiêu đề ra và tổ chức thi đấu, trọng tài các môn thể thao.	3
PLO3: Đánh giá được kết quả một cách khoa học trong tuyển chọn, kiểm tra, có năng lực điều chỉnh tâm lý và nhịp điệu hợp lý trong quá trình tổ chức huấn luyện. Áp dụng các nguyên tắc an toàn trong tập luyện và thi đấu. Phân tích được những yếu tố ảnh hưởng đến thành tích thể thao và có biện pháp điều chỉnh phù hợp.	3.1. Xác định được kết quả một cách khoa học trong tuyển chọn, kiểm tra, có năng lực điều chỉnh tâm lý và nhịp điệu hợp lý trong quá trình tổ chức huấn luyện.	4
	3.2. Vận dụng được các nguyên tắc an toàn trong tập luyện và thi đấu.	3
	3.3. Chẩn đoán được những yếu tố ảnh hưởng đến thành tích thể thao và có biện pháp điều chỉnh phù hợp.	4
PLO4: Sử dụng thành thạo ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Có năng lực sử dụng công nghệ thông tin cơ bản.	4.1. Thực hiện được các tình huống giao tiếp cơ bản yêu cầu sử dụng ngoại ngữ	2
	4.2. Viết được văn bản đơn giản bằng ngoại ngữ; Sử dụng ngoại ngữ ở mức độ cơ bản trong các hoạt động chuyên môn.	3
	4.3. Thực hiện được các kỹ năng tin học cơ bản; Lựa chọn và sử dụng công nghệ thông tin để tổ chức quản lý các hoạt động TDTT.	2
PLO5: Trình diễn được các kỹ thuật, chiến thuật cơ bản của môn thể thao chuyên sâu.	5.1. Thiết lập được các kỹ thuật, chiến thuật cơ bản của môn thể thao chuyên sâu.	5
	5.2. Hệ thống hóa được các kỹ thuật, chiến thuật cơ bản của môn thể thao chuyên sâu.	5
PLO6: Xây dựng các buổi tập luyện, thi đấu cho vận động viên, người tập luyện ở các trình độ khác nhau.	6.1. Sắp xếp được các buổi tập luyện, thi đấu cho vận động viên, người tập luyện ở các trình độ khác nhau.	5
	6.2. Thiết kế được các buổi tập luyện, thi đấu cho vận động viên, người tập luyện ở các trình độ khác nhau.	5

PLO7: Sử dụng thiết bị, công cụ hỗ trợ trong huấn luyện thể thao một cách hiệu quả. Xử lý các tình huống trong huấn luyện và thi đấu thể thao một cách linh hoạt, kịp thời.	7.1. Sắp xếp được thiết bị, công cụ hỗ trợ trong huấn luyện thể thao một cách hiệu quả.	4
	7.2. Điều chỉnh được các tình huống trong huấn luyện và thi đấu thể thao một cách linh hoạt, kịp thời.	4
PL08: Giao tiếp và hướng dẫn vận động viên, học viên một cách rõ ràng, dễ hiểu.	8.1. Thiết kế môi trường làm việc hợp tác bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau.	5
	8.2. Trình diễn khả năng giao tiếp, hướng dẫn vận động viên, học viên một cách rõ ràng, dễ hiểu trong quá trình tổ chức giảng dạy, huấn luyện.	5
PL09: Chủ động lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá quá trình tập luyện cho vận động viên. Phối hợp với đồng nghiệp, chuyên gia trong lĩnh vực thể thao để nâng cao hiệu quả huấn luyện.	9.1.Xác nhận giá trị tính chủ động, phối hợp quá trình tổ chức đánh giá trong công tác huấn luyện.	5
	9.2.Thực hiện lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá quá trình tập luyện cho vận động viên.	5
	9.3.Đánh giá hiệu quả công tác huấn luyện .	4
PL10: Nhận thức rõ trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp, có khả năng cảm thụ, sáng tạo với tư duy sâu sắc, độc lập linh hoạt trong tổ chức, quản lý, giảng dạy – huấn luyện thể thao. Học tập nâng cao trình độ chuyên môn, cập nhật kiến thức mới trong lĩnh vực thể thao.	10.1. Thực hiện tốt và đầy đủ các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và phẩm chất đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp.	5
	10.2. Biểu lộ tư duy sâu sắc, độc lập linh hoạt trong tổ chức, quản lý, giảng dạy – huấn luyện thể thao.	5
	10.3. Thôi thúc năng lực học tập nâng cao trình độ chuyên môn, cập nhật kiến thức mới trong lĩnh vực thể thao.	5

4. Định hướng nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp

Các vị trí việc làm mà cử nhân ngành HLLT đảm nhiệm:

- *Nhóm 1:* Tại các cơ quan nhà nước về công tác HLTT, từ Trung ương đến địa phương.
- *Nhóm 2:* Tại các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp các HLV thể thao
- *Nhóm 3:* Các tổ chức phi chính phủ, liên chính phủ hoặc các tổ chức quốc tế về TDDT; các tổ chức xã hội nghề nghiệp về TDDT
- *Nhóm 4:* Giảng dạy và nghiên cứu tại các cơ sở nghiên cứu hoặc đào tạo về TDDT

5. Định hướng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Tiếp tục học tập ở các bậc học cao hơn (Thạc sĩ, Tiến sĩ) thuộc đúng chuyên ngành hoặc học chuyển đổi một số học phần để học chuyên ngành khác thuộc khối ngành thể dục thể thao tại các trường.
- Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với yêu cầu của vị trí công tác và quy hoạch phát triển nhân sự ở đơn vị công tác.

6. Các chương trình đào tạo, tài liệu, chuẩn quốc tế đã tham khảo

6.1. Trong nước

Theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Khung trình độ Quốc gia Việt Nam

TT	Tên chương trình- Trường	Địa chỉ Website tham chiếu
1	HLTT – Trường Đại học TDTT thành phố Hồ Chí Minh	https://ush.edu.vn/khoaqltdtt/co-cau-to-chuc/quyet-dinh-ban-hanh-chuong-trinh-dao-tao-nam-2023-28.html
2	HLTT – Trường Đại học TDTT Đà Nẵng	https://dsu.edu.vn/resources/4/Anh/CHU%E1%BA%A8N%C4%90%E1%BA%A6U%20RA%20NG%C3%80NH%20QLTDTT%202021638375371010474688.pdf

6.2 Nước ngoài

TT	Tên chương trình- Trường	Địa chỉ Web site tham chiếu
1	Bachelor of science in sport science & management – Nanyang technological University, Singapore	https://www.ntu.edu.sg/education/undergraduate-programme/bachelor-of-science-in-sport-science-management
2	Bachelor of exercise and sport science/Bachelor of business (sport management) – Deakin University, Australia	https://www.deakin.edu.au/course/bachelor-exercise-and-sport-science-bachelor-business-sport-management
3	Bachelor of science in sports business management – Les Roches, Spain	https://lesroches.edu/programs/bachelor-of-science-in-sports-business-management/

MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN LÝ THỂ DỤC THỂ THAO
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1098/QĐ-TDTTBN ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học TDTT Bắc Ninh)

1. Thông tin chung

Chương trình	Chương trình đào tạo đại học
Trình độ đào tạo	Đại học
Ngành đào tạo	Quản lý Thể dục thể thao
Mã ngành	7810301
Hình thức đào tạo	Chính quy
Ngôn ngữ đào tạo	Tiếng Việt
Thời gian đào tạo	4 năm
Số tín chỉ	123
Quyết định mở ngành, cấp ban hành	
Kiểm định chương trình	
Thời điểm điều chỉnh	
Áp dụng từ năm tuyển sinh	
Đơn vị cấp bằng	Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh
Đơn vị quản lý chuyên môn	Khoa Quản lý Thể dục thể thao

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Quản lý TDTT có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt; Có khả năng triển khai, vận dụng kiến thức và kỹ năng quản lý để giải quyết những vấn đề trong lĩnh vực TDTT; Có khả năng tư duy độc lập và thích ứng với mọi môi trường làm việc, thích nghi với yêu cầu phát triển cá nhân trong tương lai.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Mã mục tiêu	Mô tả
PO1	Có kiến thức cơ bản, toàn diện, hệ thống về khoa học quản lý, các kiến thức liên ngành và kiến thức chuyên sâu trong phạm vi Quản lý

	TDDT đáp ứng các hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp và học tập suốt đời.
PO2	Có năng lực giải quyết các vấn đề khoa học quản lý TDDT và năng lực tổ chức, quản lý các hoạt động TDDT trong thực tiễn.
PO3	Rèn luyện kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề và ra quyết định một cách độc lập, linh hoạt trong các tình huống quản lý thể thao ở các cấp độ khác nhau.
PO4	Hình thành năng lực tự chủ trong học tập, nghiên cứu và phát triển chuyên môn; có đạo đức tốt, trách nhiệm nghề nghiệp cao và khả năng thích nghi với sự thay đổi của môi trường làm việc và nhu cầu xã hội.

3. Chuẩn đầu ra

Hoàn thành chương trình đào tạo, người học có kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Chuẩn đầu ra của CTĐT	Chỉ báo của CDR	Mức theo thang Bloom
PLO1. Vận dụng được các kiến thức khoa học tự nhiên, xã hội, kinh tế, chính trị và pháp luật vào việc phân tích và giải thích các vấn đề quản lý trong lĩnh vực TDDT	1.1. Khái quát hoá được các kiến thức khoa học tự nhiên, xã hội, kinh tế, chính trị và pháp luật liên quan đến TDDT.	2
	1.2. Phân tích được mối quan hệ giữa các lĩnh vực này với công tác quản lý TDDT	4
	1.2. Vận dụng kiến thức liên ngành để giải thích tình huống quản lý cụ thể trong TDDT.	3
PLO2. Áp dụng được các kiến thức cơ sở ngành vào việc giải thích, đánh giá và thực hiện các vấn đề trong quản lý TDDT	2.1. Giải thích được kiến thức cơ sở ngành	2
	2.2. Phân tích và đánh giá hoạt động TDDT dựa trên kiến thức cơ sở ngành	5
	2.3. Vận dụng kiến thức cơ sở ngành vào thực tiễn quản lý.	3
PLO3. Phân tích và đánh giá được các vấn đề quản	3.1. Phân tích thực tiễn hoạt động TDDT hiện tại	3

Theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Khung trình độ Quốc gia Việt Nam

TT	Tên chương trình- Trường	Địa chỉ Website tham chiếu
1	Quản lý TĐTT – Trường Đại học Tôn Đức Thắng	https://cktt-cdr.tdtu.edu.vn/chuongtrinhdaotao?type=tuyensi nh&hedaotao=0
2	Quản lý TĐTT – Trường Đại học TĐTT thành phố Hồ Chí Minh	https://ush.edu.vn/khoaqltdtt/co-cau-to-chuc/quyet-dinh-ban-hanh-chuong-trinh-dao-tao-nam-2023-28.html
3	Quản lý TĐTT – Trường Đại học TĐTT Đà Nẵng	https://dsu.edu.vn/resources/4/Anh/CHU%E1%BA%A8N%20%C4%90%E1%BA%A6U%20R A%20NG%C3%80NH%20QLTĐTT%202021638375371010474688.pdf
4	Quản lý TĐTT – Trường Đại học Đại Nam	https://dainam.edu.vn/vi/tin-tuc/chuong-trinh-dao-tao
5	Quản lý TĐTT – Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa	http://qltd.tucst.edu.vn/web/cac-nganh-dao-tao/nganh-quan-ly-the-duc-the-thao.html

6.2 Nước ngoài

TT	Tên chương trình- Trường	Địa chỉ Web site tham chiếu
1	Bachelor of science in sport science & management – Nanyang technological University, Singapore	https://www.ntu.edu.sg/education/undergraduate-programme/bachelor-of-science-in-sport-science-management
2	Bachelor of exercise and sport science/Bachelor of business (sport management) – Deakin University, Australia	https://www.deakin.edu.au/course/bachelor-exercise-and-sport-science-bachelor-business-sport-management
3	Bachelor of science in sports business management – Les Roches, Spain	https://lesroches.edu/programs/bachelor-of-science-in-sports-business-management/

MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH Y SINH HỌC THỂ DỤC THỂ THAO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1098/QĐ-TDTTBN ngày 29 tháng 12 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học TDTT Bắc Ninh)

1. Thông tin chung

Chương trình	Đào tạo đại học chính quy ngành Y sinh học TDTT
Trình độ đào tạo	Đại học
Ngành đào tạo	Y sinh học TDTT
Mã ngành	7.72.90.01
Hình thức đào tạo	Chính quy
Ngôn ngữ đào tạo	Tiếng Việt
Thời gian đào tạo	2023-2027
Số tín chỉ	124
Quyết định mở ngành, cấp ban hành	393/QĐ-ĐHI-TC ngày 14 tháng 9 năm 2007 của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh
Kiểm định chương trình	
Thời điểm điều chỉnh	2 năm
Áp dụng từ năm tuyển sinh	2024
Đơn vị cấp bằng	Trường Đại học TDTT Bắc Ninh
Đơn vị quản lý chuyên môn	Khoa Y sinh học TDTT

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Y sinh học TDTT có phẩm chất chính trị, tư cách, đạo đức tốt, có trách nhiệm và yêu nghề; Có kiến thức khoa học cơ bản vững chắc, có kiến thức và kỹ năng thực hành nghề nghiệp cao; Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; Có năng lực nghiên cứu, lãnh đạo và khởi nghiệp; Có khả năng tự học, từ hoàn thiện và sáng tạo để thích ứng với sự phát triển không ngừng của khoa học sức khỏe, công nghệ và hội nhập quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- **MT1:** Có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và xã hội làm nền tảng để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp; Có kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành y sinh học TDTT vững chắc để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho người tập luyện TDTT.

- **MT2:** Có kỹ năng giảng dạy, thực hành, tư vấn, tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho người tập luyện TDTT, kỹ năng nghiên cứu - ứng dụng khoa học công nghệ y sinh vào thực hành nghề nghiệp.

- **MT3:** Có năng lực quản lý và phát triển nghề nghiệp, hình thành ý tưởng, thiết kế, tổ chức thực hiện các hoạt động chăm sóc trên cơ sở nghiên cứu điều kiện thực tiễn.

- **MT4:** Có phẩm chất trính trị, tư cách đạo đức tốt, có thái độ trung thực, tôn trọng và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp; Có tinh thần học tập, nâng cao trình độ chuyên môn và cải tiến hiệu quả hoạt động nghề nghiệp.

3. Chuẩn đầu ra

Hoàn thành chương trình đào tạo, người học có kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

CĐR (PLO)	Chỉ báo	TĐNL
PLO1: Vận dụng kiến thức tự nhiên và xã hội, quốc phòng an ninh làm nền tảng trong công tác chăm sóc sức khỏe người luyện tập TDDT	1.1. Vận dụng các nguyên lý cơ bản của triết học Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong công tác chăm sóc sức khỏe 1.2. Vận dụng được các nguyên lý toán học, khoa học và công nghệ, tâm lý học, giáo dục học để giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác chăm sóc sức khỏe 1.3. Đạt chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và An ninh theo thông tư số 18/2015/TTLT-BGDĐT-BLĐTĐBXH	3
PLO2: Sử dụng thông thạo ngoại ngữ để giao tiếp và nghiên cứu tài liệu chuyên ngành; sử dụng thành thạo kỹ năng công nghệ thông tin cơ bản	2.1. Đạt chuẩn ngoại ngữ bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam 2.2. Sử dụng tin học văn phòng, ứng dụng công cụ trực tuyến trong hoạt động chăm sóc sức khỏe	3
PLO3: Vận dụng kiến thức cơ sở y sinh học TDDT và lý luận TDDT cơ bản trong tập luyện thể dục thể thao.	3.1. Phát hiện ảnh hưởng của hình thái, cấu tạo và chức năng cơ thể con người khi tham gia tập luyện thể thao. 3.2. Vận dụng nguyên tắc vệ sinh tập luyện và phương pháp kiểm tra đánh giá mức độ phát triển thể chất, phân biệt và xử lý ban đầu một số chấn thương và bệnh lý thường gặp trong hoạt động TDDT. 3.3. Xây dựng kế hoạch tập luyện thể dục thể thao dựa trên các kiến thức cơ sở y sinh học TDDT và lý luận TDDT cơ bản	3
PLO4: Vận dụng kiến thức lý luận và phương pháp giảng dạy thể dục thể thao cơ bản vào tổ chức tập luyện và thi đấu thể dục thể thao.	4.1. Thực hành thành thạo các môn thể thao trong chương trình đào tạo 4.2. Tổ chức hoạt động tập luyện và thi đấu các môn thể thao. 4.3. Đạt tiêu chuẩn tương đương vận động viên đẳng cấp III của 03 môn thể thao tự chọn	3
PLO5: Hệ thống hoá các kiến thức trong công tác tư vấn, chăm sóc sức khỏe và tuyển chọn tài năng thể thao	5.1. Tổng hợp các kiến thức liên quan đến kiểm tra, điều trị, hồi phục, sơ cấp cứu, dinh dưỡng vào công tác tư vấn, chăm sóc sức khỏe 5.2. Xây dựng tiêu chuẩn y sinh học trong tuyển chọn tài năng thể thao	6

HS

PLO6. Truyền tải, phổ biến thuần thực kiến thức y sinh học TDDT	6.1. Tuyên truyền, phổ biến kiến thức về chăm sóc sức khỏe chủ động cho người tập luyện TDDT 6.2. Giảng dạy kiến thức y sinh học TDDT	5
PLO7: Thực hành, tư vấn, tổ chức thành thạo các hoạt động chăm sóc sức khỏe trong tập luyện và thi đấu TDDT	7.1. Thực hành thuần thực các kỹ năng chuyên môn về chăm sóc sức khỏe người tập luyện TDDT 7.2. Tư vấn, thiết kế các hoạt động chăm sóc sức khỏe và hồi phục thể thao	5
PLO8: Ứng dụng nghiên cứu khoa học tiên tiến vào thực hành hoạt động nghề nghiệp	8.1. Áp dụng các kết quả nghiên cứu vào thực tế để cải thiện sức khỏe và hiệu suất thể thao 8.2. Phát triển kỹ năng phát hiện vấn đề và đề xuất hướng nghiên cứu tiếp theo	4
PLO9: Thiết lập năng lực quản lý và phát triển nghề nghiệp, hình thành ý tưởng, thiết kế, tổ chức, hướng dẫn thực hiện các hoạt động chăm sóc trên cơ sở nghiên cứu điều kiện thực tiễn.	9.1. Xây dựng kế hoạch phát triển nghề nghiệp nhằm tạo ra các ý tưởng sáng tạo, phù hợp với nhu cầu thực tiễn và yêu cầu chuyên môn trong công tác chăm sóc 9.2. Thiết kế và tổ chức các chương trình chăm sóc khoa học, rõ ràng, dễ thực hiện, đáp ứng mục tiêu chăm sóc hiệu quả 9.3. Hướng dẫn thực hiện các hoạt động chăm sóc một cách bài bản, đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận và đối tác liên quan.	5
PLO10: Thể hiện khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm để phát triển năng lực bản thân và giải quyết các vấn đề phát sinh trong công việc.	10.1. Bộc lộ khả năng làm việc độc lập và phối hợp tốt với đồng nghiệp trong công việc. 10.2. Khả năng quản lý thời gian hiệu quả, kỹ năng kiểm soát công việc, khả năng tập trung khi làm việc, liên tục cập nhật kiến thức mới.	5
PLO11: Thể hiện trách nhiệm chuyên môn và đạo đức trong nghề nghiệp, lập kế hoạch tự học tập, cải tiến liên tục công việc	11.1. Thực hiện đúng các quy tắc, quy trình và các yêu cầu chuyên môn trong nghề nghiệp, bảo đảm công việc luôn đạt chất lượng cao 11.2. Xác định kế hoạch học tập dài hạn, bao gồm các giai đoạn học hỏi, rèn luyện và phát triển kỹ năng trong suốt sự nghiệp chăm sóc sức khỏe 11.3. Nhận diện và giải quyết các vấn đề phát sinh, đồng thời đề xuất và triển khai các biện pháp cải tiến quy trình, kỹ thuật chăm sóc, nhằm nâng cao chất lượng hoạt động nghề nghiệp	5

4. Định hướng nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp

- Giảng viên trong các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực TDDT nói chung và y sinh học TDDT nói riêng;
- Cán bộ chuyên môn trong các Phòng Y học thể thao tại các Trung tâm huấn luyện TDDT;
- Kỹ thuật viên chăm sóc sức khỏe cho các đội tuyển TDDT;
- Nghiên cứu viên tại các viện nghiên cứu lĩnh vực khoa học TDDT;
- Huấn luyện viên sức khỏe cho các cơ sở tập luyện TDDT.



5. Định hướng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Học lên cao (thạc sĩ, tiến sĩ) trong lĩnh vực TDTT nói chung và y sinh học TDTT nói riêng;

- Học các khoá học ngắn hạn và chứng chỉ chuyên môn;
- Học chuyển đổi để học các ngành học khác.

6. Các chương trình đào tạo, tài liệu, chuẩn quốc tế đã tham khảo

6.1. Trong nước

TT	Tên chương trình- Trường	Địa chỉ Web site tham chiếu
1	Chương trình đào tạo Đại học của Trường Đại học TDTT Thành phố Hồ Chí Minh	

6.2 Nước ngoài

TT	Tên chương trình- Trường	Địa chỉ Web site tham chiếu
1	Chương trình đào tạo Đại học của Học viện TDTT Thượng Hải – Trung Quốc	